

Bản án số: 361/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Sơn.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Quân

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa

*- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Bình, Thư ký Tòa án.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc, Kiểm sát viên.*

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 979/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: 8 đường Đ, Khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tường T1, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 8 đường ĐHT41, Khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2023, bản tự khai và tại các biên bản của Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Tường T1 tự nguyện tìm hiểu quen nhau và chung sống với nhau từ năm 2003, đăng ký kết hôn vào năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 01/05, ngày 06/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hai bên chung sống đến khoảng năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế. Trong suốt 10 năm, ông T1 thường xuyên đánh đập, uy hiếp tinh thần bà và có lời lẽ xúc phạm đến bà và gia đình bà. Bà đã cố chịu đựng vì các con còn nhỏ và vì ông T1 nhiều lần hứa hẹn sẽ sửa đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T xác định bà và ông T1 có 02 (hai) con chung là: 1/ Nguyễn Tường Gia P, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013, 2/ Nguyễn Tường Uyên

**T2**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2015. Khi ly hôn, bà **T** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ **P** và **T2**, yêu cầu ông **T1** phải cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000đ/trẻ/tháng. Tại phiên tòa, bà **T** cho biết đã nghỉ việc tại **Viện dưỡng lão N** và hiện tại bà và các con đã chuyển về sinh sống tại **huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Bà cũng thực hiện xong thủ tục chuyển trường cho các con về tỉnh Lâm Đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà **T** xác định không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn ông **Nguyễn Tường T1** trình bày:

Ông **T1** xác định quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như **T** đã trình bày. Ông cho rằng trong cuộc sống thì hai bên cũng có những lúc xô xát nhau, có đánh bà **T** nhưng do những lúc bị say rượu, không làm chủ được hành vi của mình. Vì các con còn nhỏ, nên ông đề nghị được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với bà **T**.

Về con chung: Ông **T1** xác định ông và bà **T** có 02 (hai) con chung là 1/ **Nguyễn Tường Gia P**, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013, 2/ **Nguyễn Tường Uyên T2**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2015. Trong trường hợp phải ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ **P** và **T2**, yêu cầu bà **T** phải cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/trẻ/tháng. Trường hợp bà **T** được giao nuôi dưỡng 02 con chung thì ông chỉ đồng ý cấp dưỡng 3.000.000đ/trẻ/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông **T1** xác định không yêu cầu tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự. Kiến nghị khắc phục về vi phạm tố tụng về thời hạn.

Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà **Lê Thị Thanh T** và ông **Nguyễn Tường T1** đều có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà **Lê Thị Thanh T** và ông **Nguyễn Tường T1** chung sống với nhau từ năm 2003, đã đăng ký kết hôn vào năm 2005, vì vậy căn cứ vào các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa cần xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông **Nguyễn Tường T1** hiện đang cư trú tại **Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Tường T1 tự nguyện tìm hiểu quen nhau và chung sống với nhau từ năm 2003, đăng ký kết hôn vào năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyền số 01/05, ngày 06/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hai bên chung sống đến khoảng năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế. Trong suốt 10 năm, ông T1 thường xuyên đánh đập, uy hiếp tinh thần bà và có lời lẽ xúc phạm đến bà và gia đình bà. Bà đã cố chịu đựng vì các con còn nhỏ và vì ông T1 nhiều lần hứa hẹn sẽ sửa đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

Căn cứ trả lời Công văn số 2964/TAQ12 ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Ủy ban nhân dân phường T, Quận A có cung cấp nội dung: “Trường hợp hai bên chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Tường T1. Hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, nhiều lần Công an phường đã xuống mời lên giải quyết đến nay chị T làm đơn xin ly hôn”. Theo trả lời Công văn 1501/TAQ12 ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Công an phường T, Quận A ghi nhận nội dung: “Ông Nguyễn Tường T1, sinh năm 1977 đăng ký thường trú và hiện ngụ tại: 8 ĐHT41, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh”. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T và ông T1 đều thừa nhận việc ông T1 thường xuyên xô xát, hành hung bà T trong suốt thời gian chung sống. Ông T1 trình bày mình có sửa đổi nhưng không có căn cứ nào thể hiện cho việc này, mà theo bà T trình bày, ông còn tiếp tục hành hung bà T trong thời gian bà T đã có đơn xin ly hôn tại tòa. Có thể thấy, quan hệ tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T, tuyên cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Tường T1.

Về con chung: Bà T xác định bà và ông T1 có 02 (hai) con chung là: 1/ Nguyễn Tường Gia P, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013, 2/ Nguyễn Tường Uyên T2, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ P, T2 và yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000đồng/trẻ/tháng. Ngược lại, ông T1 có yêu cầu: Trong trường hợp phải ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ P và T2, yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/trẻ/tháng. Trường hợp bà T được giao nuôi dưỡng 02 con chung thì ông chỉ đồng ý cấp dưỡng 3.000.000đ/trẻ/tháng.

Xét thấy: Các trẻ đang theo mẹ về ở và đi học tại tỉnh Lâm Đồng và có nguyện vọng ở với mẹ, bà T đã nghỉ việc tại Viện dưỡng lão N, còn ông T1 hiện đang làm việc tại Công ty TNHH D, mức lương 9.000.000đồng/tháng, phụ cấp khoảng 3.000.000đồng/tháng. Như vậy, đề nghị được nuôi con của bà T là phù hợp với thực tế về việc cư trú của các con chung, mức cấp dưỡng nuôi con cũng

phù hợp với mức thu nhập của ông T1, vì vậy, cần giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ: Nguyễn Tường Gia P, Nguyễn Tường Uyên T2, buộc ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho các trẻ P, T2 với mức 3.000.000đ/trẻ/tháng, kể từ ngày án có hiệu lực cho khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu toà giải quyết, nên không xét.

[4] Bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Ông Nguyễn Tường T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do phải cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 266, 267 và 275 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T, tuyên cho bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Tường T1.

2. Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 (hai) con chung là: 1/ Nguyễn Tường Gia P, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013, 2/ Nguyễn Tường Uyên T2, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2015. Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ P, T2, buộc ông Nguyễn Tường T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho hai trẻ P, T2 với mức 3.000.000đ/trẻ/tháng (ba triệu đồng trên một trẻ trên một tháng), kể từ ngày án có hiệu lực cho khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Lê Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Tường T1 không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông T1 còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Vì lợi ích con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu toà giải quyết, nên không xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thị Thanh T phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0030746 ngày 13 tháng 10

năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Ông Nguyễn Tường T1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyền số 01/05, ngày 06/10/2005 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Tường T1 không còn hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.12;
- Chi cục THADS Q.12;
- UBND xã Dran, huyện Đơn Dương,  
Tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Sơn**